

Số: 09/2015/QĐ-UBND

Tuy Hòa, ngày 27 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Quy định tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất
áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về việc quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 427/TTr-STC ngày 04/3/2015;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

- Đối tượng là những tổ chức, cá nhân được nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm;

- Phạm vi áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Căn cứ vào tỷ lệ % đơn giá thuê đất quy định tại Điều 1 của Quyết định này:

- Cục trưởng Cục Thuế Tỉnh quyết định đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể đối với trường hợp tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuê đất;

- Chi cục trưởng Chi Cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố quyết định đơn giá thuê đất cho từng dự án cụ thể đối với hộ gia đình, cá nhân thuê đất;

Giao trách nhiệm Sở Tài chính, Sở Tài nguyên môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

~~Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06/4/2015. Bãi bỏ~~
Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 26/9/2012 của UBND tỉnh Phú Yên về
việc điều chỉnh đơn giá thuê đất, thuê mặt nước áp dụng trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và
Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất
áp dụng trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 27/3/2015
của UBND tỉnh Phú Yên)*

**I. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất đối với đất
thương mại dịch vụ**

1. Đất tại các phường thuộc thành phố Tuy Hòa: 1,3%.
2. Đất tại các phường thuộc thị xã Sông Cầu; thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An: 1,2%.
3. Đất ven trục đường giao thông chính, quốc lộ, tỉnh lộ (trừ các xã miền núi): 1,2%.
4. Đất tại thị trấn Phú Hoà, huyện Phú Hòa; đô thị Hòa Vinh, huyện Đông Hòa: 1,1%.
5. Đất tại các xã thuộc thành phố Tuy Hòa (trừ đất ven trục đường giao thông chính quốc lộ, tỉnh lộ): 1,1%.
6. Đất tại thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân; thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa; thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh: 1,1%.
7. Đất tại các xã đồng bằng (trừ đất ven trục đường giao thông chính quốc lộ, tỉnh lộ): 1,0%.
8. Đất tại các xã miền núi (trừ các xã đặc biệt khó khăn): 0,6%.
9. Đất tại các xã đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang: 0,5%.

**II. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất đối với đất
sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch
vụ**

1. Đất tại các phường thuộc thành phố Tuy Hòa: 1,2%.
2. Đất tại các phường thuộc thị xã Sông Cầu; thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An: 1,1%.
3. Đất ven trục đường giao thông chính quốc lộ, tỉnh lộ (trừ các xã miền núi, xã đặc biệt khó khăn, xã bãi ngang): 1,1%.
4. Đất tại thị trấn Phú Hòa, huyện Phú Hòa; thị trấn Hòa Vinh, thị trấn Hòa Hiệp Trung, huyện Đông Hòa; thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa: 1,0%.

~~5. Đất tại các xã thuộc thành phố Tuy Hòa (trừ đất ven trục đường giao thông chính quốc lộ, tỉnh lộ): 1,0%.~~

6. Đất tại thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân; thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh: 1,0%.

7. Đất tại các xã đồng bằng (trừ đất ven trục đường giao thông chính quốc lộ, tỉnh lộ): 1,0%.

8. Đất tại các xã miền núi (trừ các xã đặc biệt khó khăn): 0,55%.

9. Đất tại các xã đặc biệt khó khăn, các xã bãi ngang: 0,5%.

III. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất đối với các dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư: 0,55%.

IV. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất đối với đất tại Khu công nghiệp, điểm công nghiệp: 0,55%.

V. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất đối với đất thuộc Khu kinh tế Nam Phú Yên: 0,75%.

VI. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất đối với nhóm đất nông nghiệp: 0,65%.

VII. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước thuộc nhóm đất quy định tại Điều 10 Luật Đất đai.

1. Đối với phần diện tích không có mặt nước tính tương tự như phần I, II, III, IV, V, VI Quy định này.

2. Đối với phần diện tích có mặt nước tính bằng 50 % phần I, II, III, IV, V, VI Quy định này.

VIII. Tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để tính đơn giá thuê đất đối với đất được nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) là 20% đơn giá thuê đất trên bờ mặt với hình thức thuê đất trả tiền hàng năm có cùng mục đích sử dụng.

IX. Các quy định khác không nêu trong quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 29/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Đình Cự